

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM SỐ 06/2019/TT-BTP

Hà Nội, ngày 21 tháng 11 năm 2019

ĐẾN Số: 3350
Ngày: 31/2/2019
Chuyên:
Lưu hồ sơ số:

THÔNG TƯ

**Quy định Chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự,
theo dõi thi hành án hành chính**

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự ngày 14 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự ngày 25 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Tổ tụng hành chính ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 97/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 60/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 96/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự;

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư quy định Chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự, theo dõi thi hành án hành chính:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định Chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự, theo dõi thi hành án hành chính (sau đây gọi chung là thống kê thi hành án dân sự); sử dụng và công bố, phổ biến thông tin thống kê; kiểm tra, thẩm tra, khen thưởng và xử lý vi phạm trong việc thực hiện Chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Tổng cục Thi hành án dân sự; Cục Thi hành án Bộ - Quốc phòng; Cục Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Phòng Thi hành án quân khu và tương đương (sau đây gọi chung là Phòng Thi hành án cấp quân khu); Chi cục Thi hành án dân sự quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

b) Chấp hành viên, công chức làm công tác thi hành án dân sự; Chấp hành viên, sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp làm công tác thi hành án trong quân đội;

c) Tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động thi hành án dân sự theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Hệ thống biểu mẫu thống kê và trách nhiệm thực hiện biểu mẫu

1. Hệ thống biểu mẫu thống kê

Biểu mẫu thống kê thi hành án dân sự ban hành kèm theo Thông tư này bao gồm:

a) Kết quả thi hành án dân sự tính bằng việc;

b) Kết quả thi hành án dân sự tính bằng tiền;

c) Kết quả thi hành cho ngân sách nhà nước;

d) Kết quả thi hành án dân sự tính bằng việc chia theo cơ quan Thi hành án dân sự và Chấp hành viên;

đ) Kết quả thi hành án dân sự tính bằng tiền chia theo cơ quan Thi hành án dân sự và Chấp hành viên;

e) Kết quả đề nghị xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án dân sự;

g) Kết quả cưỡng chế thi hành án dân sự;

h) Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi hành án dân sự;

i) Kết quả tiếp công dân trong thi hành án dân sự;

k) Kết quả giám sát, kiểm sát thi hành án dân sự;

l) Kết quả bồi thường nhà nước trong thi hành án dân sự;

m) Kết quả theo dõi việc thi hành án hành chính.

2. Trách nhiệm thực hiện

Trách nhiệm thực hiện Chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự được quy định tại Phụ lục kèm theo Thông tư này.

Điều 3. Cơ quan nhận báo cáo thống kê

Cơ quan nhận báo cáo thống kê thi hành án dân sự bao gồm: Chi cục Thi hành án dân sự; Cục Thi hành án dân sự; Tổng cục Thi hành án dân sự; Hội đồng

nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp (nếu có yêu cầu); Phòng Thi hành án cấp quân khu; Tư lệnh quân khu và tương đương; Cục Thi hành án - Bộ Quốc phòng; Cơ quan Thống kê cùng cấp (nếu có yêu cầu).

Điều 4. Báo cáo thống kê và kỳ báo cáo thống kê

1. Báo cáo thống kê thi hành án dân sự bao gồm báo cáo thống kê định kỳ và báo cáo thống kê đột xuất:

a) Báo cáo thống kê định kỳ được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Báo cáo thống kê đột xuất được thực hiện theo yêu cầu bằng văn bản của người có thẩm quyền. Trường hợp cần báo cáo thống kê đột xuất nhằm thực hiện các yêu cầu về quản lý nhà nước trong thi hành án dân sự, người có yêu cầu phải có văn bản nêu rõ thời gian, thời hạn, nội dung báo cáo thống kê và các yêu cầu khác (nếu có) để tổ chức, cá nhân được yêu cầu thực hiện.

2. Kỳ báo cáo thống kê bao gồm các kỳ báo cáo thống kê 1 tháng, 2 tháng, 3 tháng, 4 tháng, 5 tháng, 6 tháng, 7 tháng, 8 tháng, 9 tháng, 10 tháng, 11 tháng, 12 tháng. Kỳ báo cáo thống kê 12 tháng là kỳ báo cáo thống kê năm. Kỳ báo cáo thống kê được tính bắt đầu từ ngày 01/10 của năm hiện tại, kết thúc vào ngày cuối tháng của các kỳ thống kê. Năm báo cáo thống kê thi hành án dân sự bắt đầu từ ngày 01/10 năm hiện tại, kết thúc vào ngày 30/9 năm kế tiếp.

Điều 5. Giá trị pháp lý của số liệu thống kê

Số liệu thống kê thi hành án dân sự là một bộ phận của số liệu thống kê Ngành Tư pháp. Sau khi được công bố, phổ biến có giá trị pháp lý. Không một tổ chức, cá nhân nào được thay đổi hoặc ép buộc tổ chức, cá nhân khác công bố, phổ biến số liệu thống kê thi hành án dân sự sai sự thật. Số liệu thống kê thi hành án dân sự là một trong những căn cứ để thực hiện việc quản lý, điều hành công tác thi hành án dân sự và theo dõi thi hành án hành chính.

Điều 6. Phương pháp tính trong báo cáo thống kê

Số liệu báo cáo thống kê thi hành án dân sự tại mỗi kỳ được tính theo phương pháp lũy kế.

Chương II

TRÌNH TỰ THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ BÁO CÁO THỐNG KÊ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ, THEO DÕI THI HÀNH ÁN HÀNH CHÍNH

Điều 7. Lập báo cáo thống kê

1. Kết thúc kỳ báo cáo thống kê, các tổ chức, cá nhân được quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư này phải chốt số liệu, khóa sổ để lập biểu báo cáo thống kê. Kết quả của kỳ nào phải báo cáo trong kỳ đó. Nghiêm cấm việc

chuyển số liệu thống kê phát sinh của kỳ hiện tại sang kỳ sau. Riêng đối với số chưa có điều kiện thi hành án đã chuyển số theo dõi riêng, kết thúc kỳ báo cáo thống kê, Chi cục Thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự chốt số liệu, lập danh sách gửi Tổng cục Thi hành án dân sự để theo dõi, quản lý.

2. Kết thúc năm báo cáo, Chi cục Thi hành án dân sự lập danh sách việc thi hành án chưa thi hành xong gửi Cục Thi hành án dân sự. Cục Thi hành án dân sự lập danh sách việc thi hành án chưa thi hành xong tại Cục Thi hành án dân sự và tổng hợp danh sách chung của địa phương mình gửi Tổng cục Thi hành án dân sự để theo dõi, quản lý. Danh sách việc thi hành án chưa thi hành xong bao gồm việc thi hành án dân sự và việc theo dõi thi hành án hành chính.

Phòng Thi hành án cấp quận khu lập danh sách việc thi hành án chưa thi hành xong gửi Cục Thi hành án - Bộ Quốc phòng để theo dõi, quản lý.

3. Ngày lập báo cáo thống kê là:

- a) Ngày kết thúc kỳ thống kê (đối với Chấp hành viên);
- b) Ngày nhận được báo cáo của Chấp hành viên (đối với Chi cục và Cục Thi hành án dân sự; Phòng Thi hành án cấp quận khu);
- c) Ngày nhận được báo cáo của Chi cục Thi hành án dân sự (đối với Cục Thi hành án dân sự);
- d) Ngày nhận được báo cáo của Cục Thi hành án dân sự, của Phòng Thi hành án cấp quận khu (đối với Tổng cục Thi hành án dân sự, Cục Thi hành án - Bộ Quốc phòng).

Nếu ngày này trùng với ngày nghỉ lễ, nghỉ Tết hoặc ngày nghỉ cuối tuần, thì ngày lập báo cáo thống kê là ngày làm việc tiếp theo ngay sau ngày đó.

Thời hạn gửi, nhận báo cáo thống kê được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 9 của Thông tư này.

4. Cách thức ghi chép, lập báo cáo thống kê được thực hiện theo hướng dẫn tại bản giải thích biểu mẫu hoặc in trực tiếp từ phần mềm quản lý quá trình thụ lý, tổ chức thi hành án và báo cáo thống kê thi hành án dân sự.

Điều 8. Hình thức báo cáo và phương thức gửi báo cáo thống kê

1. Báo cáo thống kê thi hành án dân sự được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử:

- a) Báo cáo bằng văn bản giấy phải có chữ ký, họ tên của người lập biểu; chữ ký, họ tên của Thủ trưởng đơn vị và đóng dấu phát hành theo quy định. Báo cáo thống kê của Chấp hành viên có chữ ký của Chấp hành viên và xác nhận của Thủ trưởng đơn vị;

b) Báo cáo bằng văn bản điện tử được thể hiện dưới dạng tệp dữ liệu điện tử (file), có các thông tin như quy định tại điểm a khoản 1 Điều này và được ký phát hành bằng chữ ký số của Thủ trưởng đơn vị và những người có liên quan (nếu có). Trường hợp người được phân công lập biểu mẫu thống kê chưa được cấp chữ ký số thì ghi chữ “đã ký” vào nơi ký của người lập biểu mẫu.

2. Báo cáo thống kê thi hành án dân sự được gửi tới nơi nhận bằng các phương thức:

- a) Gửi qua bưu điện hoặc Fax;
- b) Gửi trực tiếp;
- c) Gửi bản scan (quét) báo cáo giấy hoặc báo cáo bằng văn bản điện tử qua thư điện tử công vụ do Bộ Tư pháp cấp;

d) Đối với các đơn vị đã có đầy đủ dữ liệu trên phần mềm quản lý quá trình thụ lý, tổ chức thi hành án và báo cáo thống kê thi hành án dân sự, theo đề nghị bằng văn bản của Thủ trưởng đơn vị, Cục, Tổng cục Thi hành án dân sự sẽ in trực tiếp từ phần mềm. Chi cục trưởng, Cục trưởng chỉ đạo in bản lưu tại đơn vị vào ngày khóa sổ và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời của số liệu trong các báo cáo được in từ phần mềm;

đ) Việc gửi báo cáo thống kê thi hành án dân sự trong quân đội được thực hiện theo quy định của Bộ Quốc phòng và hướng dẫn của Cục Thi hành án - Bộ Quốc phòng.

Điều 9. Trình tự gửi, nhận, ngày gửi và thời hạn gửi báo cáo thống kê

1. Trình tự gửi báo cáo thống kê:

- a) Chấp hành viên gửi báo cáo cho đơn vị nơi Chấp hành viên công tác;
- b) Chi cục Thi hành án dân sự gửi báo cáo cho Cục Thi hành án dân sự; gửi báo cáo cho Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện và Cơ quan Thống kê cùng cấp (nếu có yêu cầu);
- c) Cục Thi hành án dân sự gửi báo cáo cho Tổng cục Thi hành án dân sự; gửi báo cáo cho Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Cơ quan Thống kê cùng cấp (nếu có yêu cầu);
- d) Chấp hành viên thi hành án trong quân đội gửi báo cáo cho Phòng Thi hành án cấp quân khu nơi Chấp hành viên công tác;
- đ) Phòng Thi hành án cấp quân khu gửi báo cáo cho Tư lệnh quân khu và Cục Thi hành án - Bộ Quốc phòng;
- e) Cục Thi hành án - Bộ Quốc phòng gửi báo cáo thống kê cho Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và Bộ trưởng Bộ Tư pháp;

g) Tổng cục Thi hành án dân sự tổng hợp số liệu thống kê thi hành án dân sự trong toàn quốc và số liệu thống kê thi hành án dân sự trong quân đội báo cáo Bộ trưởng Bộ Tư pháp để báo cáo Chính phủ, Quốc hội và các cơ quan có thẩm quyền khác khi có yêu cầu.

2. Thời hạn gửi, nhận báo cáo thống kê thi hành án dân sự:

a) Chậm nhất 01 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo thống kê, Chấp hành viên phải gửi báo cáo thống kê tới Thủ trưởng đơn vị nơi công tác.

b) Chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo thống kê, Chi cục Thi hành án dân sự phải gửi báo cáo thống kê của đơn vị mình tới Cục Thi hành án dân sự và các cơ quan nhận báo cáo thống kê theo quy định tại khoản 1 Điều này.

c) Chậm nhất 04 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo thống kê, Cục Thi hành án dân sự phải gửi báo cáo thống kê của đơn vị và của toàn tỉnh tới Tổng cục Thi hành án dân sự và các cơ quan nhận báo cáo thống kê theo quy định.

d) Chậm nhất 01 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo thống kê, Chấp hành viên thi hành án dân sự trong quân đội phải gửi báo cáo thống kê tới Trưởng phòng Thi hành án quân khu nơi mình công tác.

đ) Chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo thống kê, Phòng Thi hành án cấp quân khu gửi báo cáo thống kê tới Cục Thi hành án - Bộ Quốc phòng và các cơ quan nhận báo cáo thống kê theo quy định.

e) Chậm nhất 04 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo thống kê, Cục Thi hành án - Bộ Quốc phòng gửi báo cáo thống kê tới Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Tư pháp và các cơ quan nhận báo cáo thống kê theo quy định.

g) Chậm nhất 06 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo thống kê, Tổng cục Thi hành án dân sự phải gửi báo cáo thống kê tới Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

Điều 10. Chỉnh sửa số liệu trong báo cáo thống kê

Trường hợp phải chỉnh sửa số liệu trong báo cáo thống kê thi hành án dân sự thì đơn vị, cá nhân phải gửi báo cáo bổ sung và giải trình rõ về nội dung chỉnh sửa. Báo cáo bổ sung, giải trình phải có chữ ký xác nhận của lãnh đạo, đóng dấu của cơ quan, gửi về Tổng cục Thi hành án dân sự theo phương thức đã quy định tại Điều 8 của Thông tư này. Nghiêm cấm việc tự ý tẩy, xóa trong biểu mẫu báo cáo thống kê.

Điều 11. Kiểm tra, thẩm tra thống kê

1. Kiểm tra thống kê thi hành án dân sự bao gồm các nội dung sau:

a) Việc thực hiện các quy định của pháp luật về thống kê;

b) Việc thực hiện Chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự;

- c) Các nội dung khác liên quan đến thống kê thi hành án dân sự;
- 2. Thẩm tra thống kê thi hành án dân sự bao gồm các nội dung sau:
 - a) Số liệu thống kê, bảng phân tích số liệu thống kê; nguồn số liệu thống kê; phương pháp tính số liệu thống kê;
 - b) Các báo cáo về số liệu thống kê;
 - c) Dữ liệu điện tử thi hành án dân sự;
 - d) Các số liệu khác liên quan đến thống kê thi hành án dân sự.

Điều 12. Thẩm quyền công bố và phổ biến thông tin thống kê

1. Bộ trưởng Bộ Tư pháp công bố và phổ biến thông tin thống kê thi hành án dân sự hoặc ủy quyền cho Tổng cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự thực hiện.
2. Hàng tháng, số liệu thống kê thi hành án dân sự của Chi cục Thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự và Hệ thống Thi hành án dân sự được đăng tải công khai trên Trang/Cổng thông tin điện tử thi hành án dân sự.

Điều 13. Sử dụng số liệu, thông tin trong báo cáo thống kê

- Số liệu và thông tin trong báo cáo thống kê thi hành án dân sự được sử dụng làm một trong những căn cứ khi quyết định một số vấn đề cơ bản sau:
1. Đánh giá kết quả thi hành án, tình hình tổ chức, hoạt động của các cơ quan Thi hành án dân sự, Chấp hành viên, Thẩm tra viên, Thư ký và các công chức khác trong các kỳ báo cáo, năm báo cáo.
 2. Lập kế hoạch thi hành án và giao chỉ tiêu, nhiệm vụ thi hành án hàng năm cho các cơ quan Thi hành án dân sự và Chấp hành viên.
 3. Phân bổ biên chế; đánh giá, quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đối với công chức lãnh đạo, quản lý; đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, điều động, miễn nhiệm Chấp hành viên, Thẩm tra viên, công chức của cơ quan Thi hành án dân sự.
 4. Tính chỉ tiêu hoàn thành nhiệm vụ và tổng hợp, bình xét thi đua, khen thưởng đối với cơ quan Thi hành án dân sự và Chấp hành viên.
 5. Thực hiện chế độ tài chính trong thi hành án dân sự; xem xét quyết định việc đầu tư kinh phí xây dựng trụ sở, kho vật chứng; trang cấp phương tiện làm việc cho Hệ thống Thi hành án dân sự và các nội dung khác liên quan đến bảo đảm tài chính, cơ sở vật chất để thực hiện nhiệm vụ tổ chức thi hành chỉ tiêu nhiệm vụ thi hành án dân sự.
 6. Báo cáo Chính phủ, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội và các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

7. Sử dụng vào các công việc khác nhằm mục đích quản lý, điều hành hoạt động thi hành án dân sự.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Trách nhiệm thực hiện Chế độ báo cáo thống kê

1. Bộ Tư pháp có trách nhiệm chỉ đạo ưu tiên đầu tư, ứng dụng công nghệ thông tin, ứng dụng phương pháp thống kê tiên tiến vào hoạt động thống kê thi hành án dân sự; nâng cấp, hoàn thiện phần mềm thống kê, cơ sở dữ liệu điện tử về thống kê thi hành án dân sự.

2. Tổng cục Thi hành án dân sự giúp Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra, thẩm tra, đôn đốc việc thực hiện Chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự trong Hệ thống Thi hành án dân sự.

3. Cục Thi hành án dân sự chịu trách nhiệm thực hiện và hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra, thẩm tra, đôn đốc việc thực hiện Chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự đối với Chấp hành viên thuộc Cục Thi hành án dân sự và Chi cục Thi hành án dân sự thuộc địa phương mình.

4. Chi cục Thi hành án dân sự chịu trách nhiệm thực hiện, kiểm tra, thẩm tra, đôn đốc các Chấp hành viên, người làm công tác thống kê trong đơn vị về việc thực hiện Chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự.

5. Cục Thi hành án - Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm thực hiện và giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra, thẩm tra, đôn đốc thực hiện Chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự trong quân đội.

6. Phòng Thi hành án cấp quân khu chịu trách nhiệm thực hiện Chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự và hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra, thẩm tra, đôn đốc việc thực hiện Chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự đối với Chấp hành viên do mình quản lý.

7. Chấp hành viên chịu trách nhiệm thực hiện Chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự và các nhiệm vụ được giao.

Điều 15. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc thực hiện Chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự được khen thưởng theo quy định hiện hành.

2. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm Chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký, thay thế Thông tư số 01/2013/TT-BTP ngày 03/01/2013 của Bộ Tư pháp hướng dẫn Chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự và Thông tư số 08/TT-BTP ngày 26/6/2015 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2013/TT-BTP ngày 03/01/2013 của Bộ Tư pháp hướng dẫn Chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự.

2. Quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Tư pháp để nghiên cứu, giải quyết. *g*

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương và các ban của Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ và các Phó Thủ tướng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan TW của các Đoàn thể, tổ chức chính trị;
- HĐND, UBND tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp;
- Cục Thi hành án Bộ Quốc phòng;
- Sở Tư pháp tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Phòng Thi hành án quân khu và tương đương;
- Công báo; Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Tư pháp;
- Cổng Thông tin điện tử Thi hành án dân sự;
- Lưu: VT, TCTHADS.



Lê Thành Long